

HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Số:/GDKQ/CSI-.....

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCNVN ban hành ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ vào Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán của UBCKNN ban hành theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm....., các Bên gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

GCN ĐKKD: Số 96/GP-UBCKNN do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/08/2008.

Điện thoại: (+84) 024 3926 0099 Fax: (+84) 024 3926 3411

Đại diện: ÔNG HOÀNG XUÂN HÙNG Chức vụ: TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo Giấy ủy quyền số: 2611/2019/UQ-VNCS ngày 26/11/2019

Tài khoản số: 1221 0000 477 958 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành

(Sau đây gọi tắt là “CSI”)

KHÁCH HÀNG

Tên tổ chức/cá nhân:

Số CMND/Thẻ căn cước công dân/GCNĐKKD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Trụ sở chính/địa chỉ thường trú:

Người đại diện theo pháp luật (nếu là tổ chức):.....

Theo văn bản ủy quyền số:

Số điện thoại: Fax: Email:

Số tài khoản giao dịch thông thường: mở tại CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam

Số tài khoản giao dịch ký quỹ: mở tại CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam

(Sau đây gọi tắt là “Khách hàng”)

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mở Tài khoản giao dịch ký quỹ (“Hợp đồng”) này với các điều khoản và điều kiện như sau

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Hợp đồng: Là Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ này

Tài khoản giao dịch ký quỹ (TK GDKQ) là tiểu khoản phụ do CSI mở theo Hợp đồng này trên cơ sở Tài khoản giao dịch thông thường của Khách hàng tại CSI và được quản lý tách biệt với các tiểu khoản khác trong Tài khoản giao dịch thông thường của Khách hàng.

Chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ (CKKQ): là cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE), Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và các sở giao dịch chứng khoán khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán thuộc danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng khoán và/hoặc CSI tùy từng thời điểm. HOSE và HNX sau đây gọi tắt là SGDC.

Danh mục KQ: Là danh sách các mã CKKQ mà CSI chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ trong từng thời điểm, phù hợp với quy định của pháp luật và được công bố trên trang website của CSI và/hoặc tại các địa điểm giao dịch của CSI.

Giao dịch ký quỹ (GDKQ): là việc Khách hàng thực hiện các giao dịch có sử dụng tiền vay của CSI trên TK GDKQ.

Hạn mức cho vay: là hạn mức cho vay tối đa đối với mỗi Khách hàng do CSI quy định và nằm trong quy định của UBCKNN và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Khối lượng CKKQ: bao gồm các chứng khoán (có sẵn, mua đã khớp lệnh đang chờ về tài khoản) nằm trong Danh mục KQ.

Tổng tài sản (TA) bao gồm tiền, tiền bán chứng khoán đang chờ về cộng với Giá trị CKKQ trên TK GDKQ.

Giá trị CKKQ trên TK GDKQ được tính trên cơ sở Khối lượng CKKQ, tỷ lệ đánh giá CKKQ và/hoặc tỷ lệ đánh giá CKKQ làm Tài sản bảo đảm và theo giá tham chiếu tại ngày tính toán hoặc giá đóng cửa của chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất theo quy định của Sở GDCK (nhưng không vượt quá giá cho vay tối đa của từng mã chứng khoán theo quy định của CSI)

Tổng dư nợ (TL): Là tổng số tiền khách hàng nợ CSI trên TK GDKQ bao gồm dư nợ ký quỹ và các loại phí, thuế phát sinh trên TK GDKQ tính đến thời điểm tính toán

Tài sản thực có: Là phần vốn của Khách hàng trên TK GDKQ tính bằng Tổng tài sản trừ đi Tổng dư nợ

Tỷ lệ ký quỹ hiện thời (CMR): Là tỷ lệ giữa Tài sản thực có so với Tổng tài sản trên TK GDKQ của Khách hàng:

$$CMR = (TA - TL) / TA$$

Tỷ lệ ký quỹ ban đầu (MMR): Là tỷ lệ ký quỹ tối thiểu mà Khách hàng cần có để được CSI cho vay tính trên Tổng tài sản giao dịch ký quỹ do CSI quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tỷ lệ ký quỹ duy trì (LMR): Là tỉ lệ ký quỹ tính trên Tổng Tài sản bảo đảm mà Khách hàng phải duy trì trên TK GDKQ để không phải thực hiện nghĩa vụ bổ sung TSBĐ trên TK GDKQ

Tỷ lệ ký quỹ xử lý (FMR): là tỉ lệ ký quỹ tính trên Tổng Tài sản bảo đảm mà chạm giá trị này Khách hàng sẽ bị bán xử lý chứng khoán trên TK GDKQ để giảm dư nợ và đưa CMR về LMR.

ĐIỀU 2: MỤC ĐÍCH VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

2.1. Khách hàng yêu cầu và CSI chấp thuận mở một TK GDKQ cho Khách hàng để Khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ. Số TK GDKQ được nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.

2.2. CSI đồng ý cho Khách hàng vay tiền để thực hiện các giao dịch trên TK GDKQ theo các điều kiện và điều khoản quy định tại Hợp đồng này.

2.3. Hợp đồng mở TK GDKQ này đồng thời là Hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên TK GDKQ của Khách hàng và CSI.

ĐIỀU 3: QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM VÀ TỈ LỆ KÝ QUỸ

3.1. Khách hàng đồng ý sử dụng toàn bộ tiền, chứng khoán trên TK GDKQ và các quyền liên quan đến chứng khoán để làm Tài sản bảo đảm (viết tắt là TSBĐ) cho các Khoản vay trên TK GDKQ.

3.2. Giá trị Tài sản bảo đảm được CSI đánh giá, điều chỉnh thường xuyên vào các ngày giao dịch bình thường của SGDK.

3.3. Khi một mã chứng khoán bị đưa ra khỏi Danh mục KQ, CSI sẽ không thực hiện cho vay mới đối với mã chứng khoán này và không tính mã đó làm tài sản thực có của khách hàng trên TK GDKQ nhưng vẫn được coi chứng khoán này làm Tài sản bảo đảm cho các khoản vay giao dịch ký quỹ của Khách hàng.

3.4. Trong suốt thời hạn Hợp đồng này, Khách hàng có nghĩa vụ duy trì CMR tính theo Tổng giá trị TSBĐ luôn lớn hơn hoặc bằng LMR do CSI quy định tùy từng thời điểm và phù hợp với quy định của pháp luật.

3.5. Khách hàng cam kết rằng:

- Tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Khách hàng và theo quy định của pháp luật. Khách hàng có toàn quyền sử dụng để tham gia giao dịch ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ của Khách hàng đối với CSI theo quy định tại Hợp đồng này.
- Tài sản bảo đảm không thuộc đối tượng của các giao dịch cho, tặng, thừa kế, cho mượn, góp vốn hoặc tham gia vào các giao dịch bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ nào khác; không bị tranh chấp hoặc tiềm tàng khả năng tranh chấp về quyền sở hữu; và
- Tài sản bảo đảm được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ CSI để thực hiện GDKQ

3.6. Khách hàng đồng ý rằng bên cạnh TSBĐ theo quy định như trên, các tài sản đang có trên Tài khoản giao dịch thông thường, các Tài khoản giao dịch chứng khoán khác tại CSI mà Khách hàng được ủy quyền và các tài sản khác của Khách hàng hiện đang tham gia trong các dịch vụ do CSI cung cấp cùng với các quyền và lợi ích phát sinh liên quan đến tài sản đó cũng sẽ tự động trở thành nguồn trả nợ bổ sung cho các khoản vay giao dịch ký quỹ của Khách hàng. Tuy nhiên các tài sản này sẽ không được tính vào trong công thức tính CMR, LMR, FMR của Khách hàng.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC GIẢI NGÂN KHOẢN VAY VÀ HẠN MỨC CHO VAY

4.1. Khi thực hiện lệnh mua CKKQ trên TK GDKQ, Khách hàng phải đáp ứng Tỷ lệ ký quỹ ban đầu (MMR) theo quy định. Phương thức đặt lệnh trên TK GDKQ được thực hiện tương tự như đối với Tài khoản giao dịch thông thường.

4.2. Khi Khách hàng thực hiện các giao dịch trên TK GDKQ nhưng không đủ số dư tiền thì mặc nhiên coi như Khách hàng đề nghị CSI và CSI đồng ý cho Khách hàng vay số tiền còn thiếu này (Sau đây được gọi là Khoản vay)

4.3 Khoản vay được đánh giá trên cơ sở Giá trị CKKQ trên TK GDKQ của Khách hàng và trong phạm vi Hạn mức cho vay do CSI quy định tùy từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật.

4.4 CSI được quyền quyết định Hạn mức cho vay đối với mỗi Khách hàng cũng như điều chỉnh tăng hoặc giảm Hạn mức cho vay mà không có nghĩa vụ phải thông báo trước cho Khách hàng. Khách hàng sẽ không được phép đặt lệnh mua vượt quá:

- Số mua được tính cho Chứng khoán thuộc Danh mục KQ vào thời điểm đặt lệnh;
- Hạn mức Cho vay;
- Tổng dư nợ cho vay GDKQ của CSI đối với một loại chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- Các quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ khác theo quy định của pháp luật

4.5 Khách hàng đồng ý nhận nợ đối với các Khoản vay mà CSI đã giải ngân vào TK GDKQ của Khách hàng mà không cần thêm bất kỳ sự xác nhận nào khác. Khoản vay của Khách hàng sẽ được CSI ghi nhận và thông báo cho Khách hàng khi có yêu cầu.

4.6 Khách hàng ủy quyền cho CSI lập chứng từ đối với các khoản vay, chứng từ tính toán lãi vay, các loại phí và thuế phát sinh liên quan trên TK GDKQ của Khách hàng.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN VAY, LÃI SUẤT VAY VÀ THU HỒI KHOẢN VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ**5.1 Thời hạn vay:**

5.1.1 Thời hạn mỗi khoản vay giao dịch ký quỹ do CSI quy định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày giải ngân Khoản vay.

Trường hợp ngày hết hạn thanh toán là ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam, ngày hết hạn thanh toán sẽ được tính là ngày làm việc tiếp theo các ngày nghỉ, ngày lễ đó.

5.1.2 Tại Hợp đồng này, Khách hàng đề nghị CSI gia hạn Thời gian vay khi thời hạn của mỗi Khoản vay giao dịch ký quỹ hết hạn.

CSI có thể xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn Thời gian vay theo đề nghị trên của Khách hàng dựa trên nguồn vốn hiện có của CSI và/hoặc khả năng thu hồi nợ của Khách hàng.

Thời gian gia hạn (nếu có) sẽ theo quy định của CSI trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp CSI chấp thuận cho Khách hàng gia hạn, CSI sẽ toàn quyền chủ động quyết định số lần gia hạn, thời gian gia hạn cũng như phí gia hạn, mức lãi suất cho vay gia hạn theo từng thời kỳ và các quy định khác có liên quan đến việc gia hạn này.

Nếu CSI chủ động thay đổi thời gian gia hạn dẫn tới việc Khách hàng phải hoàn trả khoản vay và lãi vay trước hạn, CSI có trách nhiệm thông báo cho Khách hàng trước ít nhất 02 ngày làm việc theo phương thức quy định tại Khoản

8.2 Điều 8 Hợp đồng này.

5.1.3 Trường hợp CSI không chấp thuận cho Khách hàng gia hạn thì vào ngày hết hạn của Khoản vay, Khách hàng có trách nhiệm trả CSI toàn bộ Khoản vay và tiền lãi của Khoản vay. Ngay sau ngày hết hạn khoản vay mà Khách hàng vẫn chưa nộp tiền và/hoặc bán chứng khoán hoặc nộp tiền và/hoặc bán chứng khoán chưa đủ để thanh toán Khoản vay thì CSI có quyền xử lý Tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này.

5.1.4 Trong trường hợp Khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vào ngày hết hạn Khoản vay, Khoản vay sẽ bị coi là Nợ quá hạn và bị tính lãi suất quá hạn.

5.2 Lãi suất cho vay

5.2.1 Lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng này được CSI quy định trong từng thời kỳ và được công bố trên website của CSI và/hoặc tại các địa điểm giao dịch của CSI. Thời điểm bắt đầu tính lãi vay được xác định từ ngày CSI chuyển tiền giải ngân vào TK GDKQ của Khách hàng hoặc một thời điểm khác tùy chính sách của CSI quy định trong từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn áp dụng cho các khoản nợ quá hạn: tính bằng 150% lãi suất trong hạn tại từng thời điểm áp dụng.

Lãi suất gia hạn: Là lãi suất áp dụng cho Khoản vay khi Khách hàng thực hiện gia hạn, lãi suất gia hạn áp dụng theo chính sách /thông báo của CSI từng thời kỳ.

5.2.2 Trong trường hợp thay đổi mức lãi suất cho vay, lãi suất cho vay mới sẽ được áp dụng cho tất cả số dư của các khoản Khách hàng đã vay của CSI và tính từ thời điểm lãi suất cho vay mới có hiệu lực áp dụng.

5.2.3 Khách hàng hoàn toàn đồng ý với phương thức tính lãi suất cho vay này và cam kết sẽ không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với CSI.

5.2.4 Trong trường hợp điều chỉnh lãi suất, CSI có trách nhiệm công bố trên website của CSI và/hoặc tại các địa điểm giao dịch của CSI và thông báo cho Khách hàng ít nhất trước 02 ngày làm việc. Thời điểm và cách thức áp dụng mức lãi suất mới sẽ do CSI quyết định tùy từng thời điểm.

5.3 Phương thức tính lãi vay

Khách hàng đồng ý thanh toán tiền lãi vay cho CSI theo công thức sau:

Tiền lãi vay = Khoản vay/Khoản vay còn lại x lãi suất cho vay x Số ngày vay

Tiền lãi vay được tính hàng ngày sau khi kết thúc ngày giao dịch trên cơ sở Khoản vay/Khoản vay còn lại và được cộng dồn cho đến khi Khách hàng hoàn trả một phần hoặc tất toán khoản vay.

Tiền lãi quá hạn = Khoản vay chậm trả x 150% lãi suất cho vay trong hạn x Số ngày vay chậm trả

Tiền lãi quá hạn được CSI tính hàng ngày trên TK GDKQ vào cuối mỗi ngày chậm trả trên cơ sở khoản vay chậm trả và được cộng dồn cho đến khi Khách hàng hoàn trả một phần hoặc tất toán khoản vay.

Tiền lãi gia hạn = Khoản vay gia hạn x Lãi suất gia hạn x Số ngày vay

Tiền lãi gia hạn được CSI tính hàng ngày trên TK GDKQ vào cuối mỗi ngày giao dịch trên cơ sở Khoản vay gia hạn và được cộng dồn cho đến khi Khách hàng hoàn trả một phần hoặc tất toán khoản vay.

5.4 Thu hồi tiền cho vay và lãi vay

5.4.1 Không phụ thuộc vào thời hạn vay, Khách hàng đồng ý trả nợ cho CSI ngay khi Khách hàng có tiền trên TK GDKQ. Việc trả nợ được thực hiện một lần hoặc nhiều lần (thanh toán từng phần) tùy thuộc vào số tiền có trên TK GDKQ của Khách hàng. Nguyên tắc trả nợ tự động theo thứ tự ưu tiên về thời gian của khoản vay, thu lãi trước, thu gốc sau.

5.4.2 Nếu khách hàng bán chứng khoán trước ngày hết Thời hạn vay và tiền bán chứng khoán sẽ về TK GDKQ sau ngày hết hạn Khoản vay, CSI thực hiện ứng trước tiền bán chứng khoán tại ngày khớp lệnh bán chứng khoán để thu hồi Khoản vay đến hạn.

Nếu khách hàng bán chứng khoán sau ngày hết Thời hạn vay, CSI có quyền ứng trước tiền bán ngay ngày khớp lệnh bán chứng khoán thành công để thu hồi Khoản vay.

Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán phí ứng trước tiền bán chứng khoán cho các trường hợp nêu trên theo quy định của CSI.

5.4.3 Khách hàng có thể nộp tiền vào TK GDKQ chứng khoán và/hoặc bán chứng khoán để thanh toán Khoản vay. Khi đó Khách hàng ủy quyền cho CSI tự động tính toán và trích rút số dư tiền và tiền bán chứng khoán chờ về để thanh toán Khoản vay.

5.4.4 CSI có quyền chủ động ngừng cho vay và thu hồi các khoản vay trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- Khách hàng có liên quan trong các vụ kiện mà theo nhận định của CSI là có ảnh hưởng đến phần lớn TSBĐ của Khách hàng
- Biến động của thị trường mà theo đánh giá của CSI sẽ ảnh hưởng bất lợi hoặc có khả năng giảm sút Tổng tài sản và Tổng Tài sản bảo đảm trên TK GDKQ
- Khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật mà theo đánh giá của CSI là nghiêm trọng và ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn của CSI
- Các trường hợp khác mà CSI xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi vốn cho CSI

Trong trường hợp phải thu hồi nợ trước hạn như quy định tại điều này, CSI sẽ gửi Thông báo Thu hồi nợ trước hạn đến Khách hàng theo phương thức quy định tại Khoản 8.2 Điều 8 trong đó nêu rõ lý do, cách thức và thời gian cho Khách hàng chủ động trả nợ trước hạn. Nếu hết thời hạn Khách hàng được phép chủ động trả nợ trước hạn như thông báo, CSI có quyền xử lý TSBĐ theo quy định tại Điều 7 để thu hồi khoản vay.

ĐIỀU 6: LỆNH GỌI YÊU CẦU KÝ QUỸ BỔ SUNG

6.1. Khi CMR của Khách hàng giảm xuống thấp hơn LMR, CSI sẽ thực hiện phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi đến Khách hàng theo phương thức quy định tại Khoản 8.2 Điều 8 Hợp đồng này.

6.2. Khách hàng có nghĩa vụ phải ký quỹ bổ sung trong thời hạn do CSI yêu cầu nhưng không quá hai (02) ngày làm việc hoặc một thời gian khác theo thông báo của CSI (sau đây được đề cập là “Thời hạn Ký quỹ Bổ sung”), kể từ ngày CSI phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung. Khách hàng ký quỹ bổ sung dưới các hình thức sau:

- Ký quỹ bổ sung bằng tiền mặt
- Ký quỹ bổ sung bằng Chứng Khoán
- Bán Chứng khoán trên TK GDKQ để giảm Dư nợ Ký quỹ

6.3. Nếu CMR tiếp tục giảm trong Thời hạn Ký quỹ Bổ sung CSI sẽ tiếp tục phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung đến Khách hàng nhưng không quá hai (02) ngày làm việc kể từ ngày CSI phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung đầu tiên và

Khách hàng có trách nhiệm thực hiện việc ký quỹ bổ sung theo giá trị tại lệnh gọi ký quỹ gần nhất đã được CSI gửi đến Khách hàng.

6.4. Nếu Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc ký quỹ bổ sung được quy định nêu trên, CSI được quyền xử lý TSBĐ theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

7.1. Các trường hợp xử lý

CSI có toàn quyền xử lý TSBĐ trên TK GDKQ của Khách hàng khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

7.1.1 Khách hàng không thực hiện việc ký quỹ bổ sung như quy định tại Khoản 6.2 Điều 6

7.1.2 Khách hàng vi phạm Thời hạn thanh toán như quy định trong Điểm 5.1.3 Khoản 5.1 Điều 5

7.1.3 Khách hàng không thực hiện trả nợ trước hạn như quy định tại Điểm 5.4.4 Khoản 5.4 Điều 5

7.1.4 Ngay khi CMR bằng hoặc thấp hơn FMR

7.1.5 Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp đồng này ngoại trừ Khoản 7.1 (1,2,3,4) Điều 7 nêu trên và không khắc phục trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm CSI thông báo về việc vi phạm đó;

7.1.6 Xảy ra một trong các trường hợp nêu tại Khoản 11.2 Điều 11 Hợp đồng này.

7.2. Thực hiện xử lý

7.2.1 Ngay khi phát sinh các trường hợp được quy định tại Khoản 8.1 Điều này, Khách hàng chấp nhận vô điều kiện và cam kết không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại hay khiếu kiện nào với CSI liên quan đến việc xử lý TSBĐ bao gồm nhưng không giới hạn loại TSBĐ, thời điểm xử lý TSBĐ, mức giá xử lý TSBĐ, cụ thể như sau:

- CSI có quyền đặt bán ngay giá sàn hoặc bất kỳ giá nào để ưu tiên việc bán được chứng khoán. Việc toàn quyền bán Chứng khoán thế chấp được hiểu bao gồm cả việc sửa, hủy lệnh đặt bán do CSI hoặc chính Khách hàng đã đặt nhằm ưu tiên việc bán được chứng khoán; CSI có thể làm tròn khối lượng giao dịch tối thiểu là đơn vị hàng ngàn, trường hợp TSBĐ không đủ khối lượng giao dịch, CSI sẽ xử lý theo số lượng TSBĐ thực có.
- CSI có toàn quyền thu số dư tiền đang có trên TK GDKQ và số tiền thu được từ xử lý TSBĐ của Khách hàng để thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản phí/chi phí khác theo cách thức CSI quy định. CSI có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) ứng trước tiền bán để thu hồi Dư nợ ký quỹ ngay trong ngày lệnh bán thành công.
- Mọi chi phí, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh trong quá trình xử lý TSBĐ do Khách hàng chịu.

7.2.2 Trước khi thực hiện bán xử lý TSBĐ, CSI có trách nhiệm thông báo cho Khách hàng theo phương thức quy định tại Khoản 8.2 Điều 8 Hợp đồng này. Việc bán xử lý TSBĐ do CSI toàn quyền quyết định mà không phụ thuộc vào việc Khách hàng có nhận được thông báo xử lý TSBĐ hay không. CSI sẽ gửi cho Khách hàng kết quả giao dịch bán xử lý thành công sau khi kết thúc ngày làm việc.

7.2.3 CSI không có trách nhiệm phải thông báo cho Khách hàng thời điểm CMR chạm ngưỡng LMR và/hoặc FMR. Ngoài ra CSI có quyền nhưng không có nghĩa vụ phải xử lý ngay khi CMR chạm ngưỡng LMR và/hoặc FMR. Trong trường hợp CSI không xử lý ngay, Khách hàng cũng không có quyền khiếu nại CSI về thời điểm xử lý TSBĐ.

7.2.4 Trường hợp xử lý theo Điểm 7.1.1 và 7.1.4, Khoản 7.1 Điều này CSI sẽ tiến hành xử lý đưa CMR về tỷ lệ hợp lý tối thiểu bằng LMR.

7.2.5 Khách hàng đồng ý rằng trong trường hợp bán xử lý chứng khoán trên TK GDKQ nhưng vẫn không đảm bảo được LMR hoặc thu hồi không đủ Dư nợ ký quỹ, bằng Hợp đồng này, Khách hàng ủy quyền cho CSI có toàn quyền áp dụng các quy định/biện pháp sau đây:

- Bán chứng khoán (nếu có) và/hoặc khấu trừ các khoản tiền có trên Tài khoản giao dịch thông thường của Khách hàng để thu hồi nợ; và/hoặc thu hồi bất kỳ tài sản nào khác của Khách hàng hoặc Tài khoản giao dịch mà Khách hàng được ủy quyền hiện đang tham gia vào trong các dịch vụ do CSI cung cấp để thu hồi nợ.
- Yêu cầu phong tỏa và chủ động trích/khấu trừ tiền trong tài khoản Ngân hàng của Khách hàng để thu hồi nợ; và/hoặc;

- Yêu cầu cơ quan chi trả tiền/thu nhập cho Khách hàng thực hiện khấu trừ từ khoản tiền phải trả cho khách hàng để thu hồi nợ;
- Định đoạt các tài sản khác của Khách hàng để thu hồi nợ.

Khách hàng đồng ý rằng:

- CSI có quyền sử dụng một hoặc tất cả các biện pháp thu hồi nợ nêu trên;
- Các cơ quan/tổ chức có liên quan (Ngân hàng, Cơ quan chi trả tiền/thu nhập...) có quyền thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của CSI mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào từ Khách hàng miễn rằng CSI có chứng cứ về việc Khách hàng chưa trả hết nợ cho CSI.

7.2.6 Khách hàng có trách nhiệm thực hiện tất cả các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến chứng khoán bị bán xử lý như nghĩa vụ công bố thông tin đối với chứng khoán bị bán xử lý thuộc đối tượng phải công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.2.7 CSI được toàn quyền thực hiện ngay việc xử lý TSBĐ để thu hồi Dư nợ ký quỹ, lãi và các loại phí, thuế liên quan khác theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng này mà không phụ thuộc vào di chúc hoặc cam kết về nghĩa vụ của Khách hàng với bất kỳ bên thứ ba nào khác khi xảy ra trường hợp Khách hàng chết, bị Tòa án tuyên bố chết, mất tích hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự. Tài sản còn lại của Khách hàng trên TK GDKQ sau khi CSI đã thực hiện xong việc thu hồi Dư nợ ký quỹ, lãi và các loại phí, thuế liên quan khác sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 8: THÔNG BÁO

8.1 CSI sẽ thông báo cho Khách hàng trong trường hợp Khách hàng vi phạm Hợp đồng, yêu cầu ký quỹ bổ sung, thông báo nợ đến hạn, quá hạn, thông báo thu hồi nợ trước hạn, tạm dừng/chấm dứt cung cấp dịch vụ GDKQ và/hoặc các thay đổi liên quan đến Hợp đồng này.

8.2 CSI sẽ thực hiện việc gửi Lệnh gọi ký quỹ bổ sung và các thông báo khác theo Khoản 8.1 Điều này tới Khách hàng bằng một trong các phương thức do Khách hàng lựa chọn như sau:

Qua SMS đến số điện thoại Khách hàng đã đăng ký với CSI và/hoặc:

Qua email Khách hàng đã đăng ký với CSI và/hoặc:

8.3 Khách hàng đồng ý rằng khi CSI đã thực hiện việc gửi Lệnh gọi ký quỹ bổ sung và/hoặc gửi các thông báo khác theo Khoản 8.1 Điều 8 theo đúng phương thức như trên nghĩa là CSI đã hoàn thành trách nhiệm của mình trong việc phát Lệnh gọi ký quỹ bổ sung và/hoặc các Thông báo khác. CSI hoàn toàn không chịu trách nhiệm trong trường hợp trong trường hợp các phương tiện do Khách hàng lựa chọn ở trên không nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung và/hoặc thông báo khác vì bất cứ lý do gì.

ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

9.1 Khách hàng được sử dụng Khoản vay của CSI để thực hiện các giao dịch trên TK GDKQ theo quy định tại Hợp đồng này.

9.2 Khách hàng được rút một phần hoặc toàn bộ TSBĐ khi Khách hàng đã thanh toán đầy đủ Dư nợ ký quỹ cho CSI hoặc khi được sự chấp thuận của CSI và phù hợp với quy định của Pháp luật.

9.3 Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán Dư nợ ký quỹ, lãi và các loại phí, thuế liên quan khác như quy định tại Điều 5 và Điều 7 Hợp đồng này.

9.4 Được hưởng lãi tiền gửi căn cứ trên số dư tiền mặt trên TK GDKQ theo lãi suất CSI công bố theo từng thời kỳ.

9.5 Được hưởng các quyền và lợi ích phát sinh từ số chứng khoán trên TK GDKQ.

9.6 Thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật và các quy định khác được áp dụng.

9.7 Thông báo cho CSI khi mình là người nội bộ, người có liên quan đến người nội bộ của tổ chức phát hành chứng khoán nằm trong Danh mục KQ và cập nhật ngay cho CSI khi có sự thay đổi. Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu không cung cấp thông tin hoặc không cập nhật thông tin này cho CSI.

9.8 Không được sửa, hủy lệnh đặt bán chứng khoán làm TSBĐ hoặc có hành động nhằm cản trở CSI thực hiện bán xử lý TSBĐ theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng này.

9.9 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong Hợp đồng này và các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CSI

10.1 Cho Khách hàng vay tiền để thực hiện các giao dịch trên TK GDKQ phù hợp với quy định của pháp luật.

10.2 Hưởng tiền lãi cho vay đối với số tiền CSI cho Khách hàng vay trên TK GDKQ, phí cho các dịch vụ cung cấp cho Khách hàng theo biểu phí và lãi suất được công bố trên website của CSI và/hoặc tại các địa điểm giao dịch của CSI.

10.3 Được phép sử dụng số dư tiền trên TK GDKQ, xử lý TSBĐ để thanh toán các khoản Dư nợ ký quỹ, lãi và các loại phí, thuế liên quan khác nói trên.

10.4 Không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không có lệnh của Khách hàng, ngoại trừ trường hợp quy định tại Điều 6, Điều 7 Hợp đồng này.

10.5 Được quyền thay đổi Danh mục KQ, tỉ lệ đánh giá CKKQ, tỉ lệ cho vay, MMR, LMR, FMR, hạn mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi và /hoặc các loại Phí có liên quan theo từng thời điểm. Đồng thời CSI cũng có quyền ngừng cho vay tại bất kỳ thời điểm nào mà theo nhận định của CSI là cần thiết.

10.6 Tạm ngừng cho Khách hàng vay tiền trên TK GDKQ và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định trong trường hợp CSI không còn đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ GDKQ.

10.7 Tuân thủ các quy định theo pháp luật hiện hành; tuân thủ các quy định, quy chế của UBCKNN trong việc thực hiện nghiệp vụ GDKQ chứng khoán trên TK GDKQ của Khách hàng.

10.8 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong Hợp đồng này và các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 11: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ ĐIỀU KHOẢN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

11.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết (dưới bất kỳ hình thức nào) hoặc thời điểm CSI hoàn tất việc mở tài khoản giao dịch ký quỹ cho khách hàng tùy vào thời điểm nào đến sớm hơn. Không phụ thuộc vào thời điểm và hình thức giao kết hợp đồng, khi khách hàng thực hiện giao dịch điện tử, các điều khoản và điều kiện giao dịch mặc nhiên có hiệu lực pháp lý ràng buộc khách hàng và có giá trị như hợp đồng được khách hàng giao kết bằng văn bản.

Các sửa đổi sẽ được lập thành phụ lục Hợp đồng và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này ngoại trừ các quyền sửa đổi/thay đổi của CSI mà không phải thông báo đến Khách hàng theo quy định tại Hợp đồng này

11.2. Hợp đồng này chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

11.2.1 Theo yêu cầu của Khách hàng sau khi Khách hàng đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ đối với CSI trên TK GDKQ hoặc sau khi Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán (Kiêm giấy đề nghị mở tài khoản giao dịch chứng khoán) chấm dứt hiệu lực.

11.2.2 Theo **THÔNG BÁO CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG** do CSI gửi đến Khách hàng khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- Khách hàng vi phạm bất kỳ quy định nào trong Hợp đồng này mà theo đánh giá của CSI là nghiêm trọng và không khắc phục trong thời hạn do CSI yêu cầu.
- Khách hàng là cá nhân bị chết, mất năng lực hành vi, bị kết án là phạm tội; Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản.
- Trường hợp bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, đóng cửa thị trường chứng khoán trong thời gian kéo dài trùng với thời gian hai Bên thực hiện Hợp đồng này.

11.2.3 CSI không còn đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ theo quy định của Pháp luật và không thể khắc phục và tiếp tục đáp ứng các điều kiện để thực hiện giao dịch ký quỹ trong vòng 60 ngày.

11.2.4 CSI tự nguyện chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ do sáp nhập, giải thể hoặc bất kỳ lý do nào khác theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

11.2.5 Các trường hợp phải chấm dứt hợp đồng khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

11.3 **THÔNG BÁO CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG** sẽ được gửi đến Khách hàng theo phương thức quy định tại Điều 8 trong đó nêu rõ Lý do chấm dứt, Tổng dư nợ trên TK GDKQ, Tổng Tài sản trên TK GDKQ, Phương án xử lý dư nợ và TSBĐ trên TK GDKQ của Khách hàng như thời gian Khách hàng chủ động xử lý, Quyền và hành động của CSI sau khi kết thúc thời hạn trên.

Tài sản còn lại của Khách hàng trên TK GDKQ sau khi CSI đã xử lý xong các nghĩa vụ của Khách hàng theo các quy định tại Thông báo chấm dứt hợp đồng sẽ được chuyển trả lại Tài khoản giao dịch thông thường của Khách hàng.

ĐIỀU 12: CAM KẾT MẶC ĐỊNH

12.1 Khách hàng ủy quyền cho CSI dùng tiền trên TK GDKQ để thực hiện thanh toán cho các khoản dư nợ ký quỹ, tiền lãi, Phí khác, Thuế và các khoản khác theo quy định của pháp luật đối với các giao dịch do CSI và/hoặc bên thứ ba thực hiện theo lệnh của Khách hàng.

12.2 Khách hàng ủy quyền cho CSI thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Khách hàng theo đúng quy định của Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam nhằm phục vụ cho các giao dịch của Khách hàng trên TK GDKQ.

12.3 Khi ký tên vào Hợp đồng này, Khách hàng thừa nhận CSI đã thông báo đầy đủ với Khách hàng về chức năng, Giấy phép hoạt động, phạm vi kinh doanh, vốn Điều lệ, người đại diện ký Hợp đồng.

12.4 Khách hàng cam kết đã được CSI tư vấn và giải thích rõ các rủi ro phát sinh khi thực hiện GDKQ chứng khoán và đồng ý chấp nhận các rủi ro đó khi ký tên vào Hợp đồng này.

12.5 Khi ký tên hoặc ủy quyền cho người khác ký vào Phiếu lệnh giao dịch ký quỹ hoặc đặt lệnh thông qua phương thức giao dịch trực tuyến, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đề nghị CSI thực hiện dịch vụ cho mình.

12.6 Khách hàng thừa nhận rằng việc đặt lệnh mua bán thông qua các phương thức trực tuyến luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi hệ thống hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Khách hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại nào khác phát sinh thông qua phương tiện đặt lệnh nêu trên do lỗi hệ thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành vi của Khách hàng ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch mua/bán hoặc sử dụng TK GDKQ.

12.7 Các thông tin về CKKQ, Danh mục KQ, Danh mục TSBĐ, MMR, LMR, FMR, thời hạn vay, lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi và/hoặc các loại Phí có liên quan, các vấn đề khác và các thông tin thay đổi sẽ được CSI công bố tại website và/hoặc tại các địa điểm giao dịch của CSI và/hoặc qua phương thức thông báo nêu tại Điều 8 Hợp đồng này. Các thông tin trên có giá trị pháp lý và là phần không tách rời của Hợp đồng này khi được công bố theo phương thức quy định tại điều này.

ĐIỀU 13: CAM KẾT CHUNG

13.1 Cam kết tự nguyện ký kết: Khách hàng và CSI công nhận đã xem xét toàn bộ Hợp đồng này, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này, hai Bên chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết sau đây:

- Những thông tin của các bên trong Hợp đồng này là chính xác và đúng sự thật;
- Đã xem xét kỹ, hiểu rõ nội dung Hợp đồng, biết rõ về chứng khoán mua/bán;
- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc; và
- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận và cam kết đã ghi trong Hợp đồng này.

13.2 Cam kết bảo mật: Mỗi bên cam kết sẽ giữ bí mật tất cả các thông tin có được từ Hợp đồng này, và sẽ không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ khi có được sự đồng ý của bên kia bằng văn bản, trừ trường hợp phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

13.3 Luật điều chỉnh: Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

13.4 Giải quyết tranh chấp: Mọi tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì một trong hai bên có quyền yêu cầu cơ quan Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật. Chi phí tố tụng sẽ do Bên thua kiện chịu.

13.5 Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong Hợp đồng này sẽ được tách riêng và không được phép chuyển nhượng hay chỉ định cho bất kỳ người nào khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

KHÁCH HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

**CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT
VIỆT NAM**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)